

Số: /CHHVN-VTDVHH

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2022

V/v báo cáo số liệu thống kê tháng 6  
năm 2022

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Thực hiện Thông tư số 48/2017/TT-BGTVT ngày 13/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải số liệu thống kê tháng 06 năm 2022 như sau:

I. Báo cáo số liệu thống kê tháng 5/2022 (chi tiết tại biểu mẫu số 28-T phụ lục I gửi kèm)

1. Thực hiện khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 05 tháng đầu năm 2022 đạt 306,526 triệu tấn (không bao gồm hàng quá cảnh không xếp dỡ tại cảng) tăng 1% so với cùng kỳ năm 2021, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 77,365 triệu tấn bằng với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng nhập khẩu đạt 87,134 triệu tấn, giảm 8% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng nội địa đạt 141,467 triệu tấn, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng quá cảnh xếp dỡ đạt 561 nghìn tấn.

Trong đó, thực hiện khối lượng hàng hóa container thông qua cảng biển 05 tháng đầu năm 2022 là 10,561 triệu TEUs, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2021, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 3,477 triệu TEUs, tăng 5% so với cùng kỳ 2021.
- Hàng nhập khẩu đạt 3,63 triệu TEUs, tăng 5% so với cùng kỳ 2021.
- Hàng nội địa đạt 3,454 triệu TEUs, giảm 4% so với cùng kỳ 2021.

Nhận xét:

- Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển trong 05 tháng đầu năm 2022 tăng 1% so với cùng kỳ năm 2021 đây là mức tăng trưởng thấp nhất so với vài năm gần đây mặc dù Việt Nam đã bước sang tình hình mới sau dịch Covid-19, đặc biệt hàng hóa nhập khẩu đã giảm 8% so với cùng kỳ. Hầu hết các khu vực cảng biển đều giảm trừ một số khu vực cảng biển như: Khu vực Quảng Ninh tăng 42,4% (từ 42,4 triệu tấn lên 55,554 triệu tấn) mức tăng chủ yếu là hàng tổng hợp, hàng khô (16,36 triệu tấn), khu vực An Giang tăng 218%, Quảng Trị tăng 20%, khu vực Đồng Nai tăng 32% (chủ yếu là hàng khô và hàng tổng hợp), khu vực Đồng Tháp tăng 9%, Quảng Nam tăng 15,78%. Khu vực cảng biển có khối lượng

hàng hóa thông qua giảm mạnh như: Khu vực Bình Thuận giảm 22% (từ 6,75 triệu tấn xuống 5,24 triệu tấn), khu vực Cần Thơ giảm 24% (từ 7,163 triệu tấn xuống còn 5,4 triệu tấn), Kiên Giang giảm 16%. Ngoài ra ở khu vực cảng biển lớn như Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh đều ghi nhận mức giảm nhẹ là từ 3%-8% so với cùng kỳ, trong đó TP. Hồ Chí Minh đạt 67,212 triệu tấn giảm 8% (5,83 triệu tấn); Vũng Tàu đạt 46,997 triệu tấn giảm 3% so với cùng kỳ.

- Khối lượng hàng hóa container thông qua cảng trong 05 tháng đầu năm 2022 tăng 2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, khu vực có hàng container thông qua nhỏ tăng cao nhất là Quảng Ninh tăng 717,5%, An Giang tăng 116%, Đồng Nai tăng 23%; Khu vực có hàng container thông qua lớn thông qua như Vũng Tàu tăng 4%; Hải Phòng tăng 5,18% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, TP. Hồ Chí Minh lại có lượng container thông qua giảm 3,4%, Đà Nẵng giảm 18,1%; các khu vực khác như Thanh Hóa, Nghệ An ghi nhận mức giảm từ 22% đến 99% so với cùng kỳ năm 2021.

- Số lượng hành khách thông qua cảng biển 05 tháng đầu năm 2022 đạt 2,082 triệu lượt, đây là mức tăng trưởng tốt sau khi dịch và tăng 8 % so với cùng kỳ năm 2021 (phần lớn là khối lượng hành khách nội địa tuyến bờ ra đảo và hành khách đi theo tàu chở hàng).

2. Ước tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 06 tháng đầu năm 2022 là 370,898 triệu tấn, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó:

- Hàng xuất khẩu ước đạt 93,612 triệu tấn tăng 2% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng nhập khẩu ước đạt 105,432 triệu tấn giảm 8% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng nội địa ước đạt 171,175 triệu tấn tăng 9% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hàng quá cảnh bốc dỡ ước đạt 679 nghìn tấn.

Trong đó, hàng container thông qua cảng biển trong 05 tháng năm 2022, ước đạt 12,807 triệu TEUs tăng 1% so với cùng kỳ.

- Hàng xuất khẩu ước đạt 4,221 triệu TEUs tăng 2% so với cùng kỳ.
- Hàng nhập khẩu ước đạt 4,392 triệu TEUs tăng 5% so với cùng kỳ.
- Hàng nội địa ước đạt 4,193 triệu TEUs giảm 5% so với cùng kỳ.

II. Lượt tàu thông qua cảng biển (Chi tiết tại phụ lục II gửi kèm).

1. Lượt tàu biển thông qua 05 tháng đầu năm 2022, cụ thể như sau:

- Lượt tàu ngoại thông qua đạt 20,233 lượt, giảm 17% so với cùng kỳ năm 2021.
- Lượt tàu nội thông qua đạt 23,164 lượt, giảm 12% so với cùng kỳ 2021.

Trong đó:

+Tàu Xuất nhập cảnh đạt 3,270 lượt, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2021.

+ Tàu chạy tuyến nội địa đạt 19,894 lượt, giảm 15% so với cùng kỳ 2021.

2. Lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa 05 tháng đầu năm 2022 cụ thể:

- Lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt 136,5 nghìn lượt, giảm 5% so với cùng kỳ năm 2021

Trong đó: Lượt tàu thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đăng ký VR-SB đạt 18,167 lượt, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2021.

3. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển bằng tàu biển và phương tiện thủy nội địa 05 tháng đầu năm 2022 (không bao gồm hàng quá cảnh không bốc dỡ), như sau:

- Khối lượng hàng hóa thông qua bằng tàu biển đạt 211,94 triệu tấn, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2021.

- Khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt 94,585 triệu tấn, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong đó: Khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng phương tiện thủy nội địa đăng ký VR-SB đạt 29,64 triệu tấn, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2021.

III. Khối lượng và lượt hàng hóa thông qua các cảng do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VMIC) quản lý trong 05 tháng đầu năm 2022 (Phụ lục II) cụ thể như sau:

Khối lượng hàng hóa thông qua các cảng do VMIC quản lý đạt 31,468 triệu tấn, giảm 15% với cùng kỳ năm 2021 (do không thống kê sản lượng của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh từ năm 2022), chiếm 10% tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển cả nước, trong đó:

+ Cảng Hải Phòng có khối lượng hàng hóa thông qua lớn nhất đạt 9.509 triệu tấn chiếm 30% tổng khối lượng hàng hóa do VMIC quản lý, đứng thứ 2 là Cảng Sài Gòn đạt 4.72 triệu tấn, đứng thứ 3 là cảng bến Tiên Sa đạt 3.56 triệu tấn.

+ Khu vực cảng có khối lượng giảm mạnh nhất là Cảng Transvina giảm 55% và Cảng SSIT giảm 33%.

Cục Hàng hải Việt Nam kính báo cáo Bộ Giao thông vận tải./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Q. Cục trưởng (để b/c);
- Văn phòng (để đăng Website);
- Lưu VT, VTDVHH.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Hoàng Hồng Giang**

**PHỤ LỤC I**

Biểu số 07-T

Đơn vị báo cáo: Cục Hàng hải Việt Nam

Ngày báo cáo: 15/6/2021

Đơn vị nhân báo cáo: Bộ GTVT (Vụ VT)

**THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN  
Tháng 6/2022**

TT	Danh mục loại hàng	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng					
				Từ đầu năm đến hết tháng trước	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch năm (%)
A	B	C	1	2	3	4	5	6=4/5	7=4/1
	<b>Tổng số</b>	<b>1000 tấn</b>	<b><u>725,367</u></b>	<b><u>306,527</u></b>	<b><u>64,494</u></b>	<b><u>371,021</u></b>	<b><u>364,384</u></b>	<b><u>102%</u></b>	<b><u>51%</u></b>
	Hàng xuất khẩu	1000 tấn		77,365	16,247	93,612	91,422		
	Hàng nhập khẩu	1000 tấn		87,134	18,298	105,432	114,277		
	Hàng nội địa	1000 tấn		141,467	29,831	171,298	157,670		
	Hàng quá cảnh bốc dỡ	1000 tấn		561	118	679	1,015		
	Chia ra								
<b>1</b>	<b><u>Container</u></b>	<b><u>1000 tấn</u></b>	<b><u>252,253</u></b>	<b><u>101,198</u></b>	<b><u>21,375</u></b>	<b><u>122,573</u></b>	<b><u>125,333</u></b>	<b><u>98%</u></b>	<b>-</b>
		<b><u>1000 Teus</u></b>	<b><u>24,884</u></b>	<b><u>10,561</u></b>	<b><u>2,246</u></b>	<b><u>12,807</u></b>	<b><u>12,737</u></b>	<b><u>101%</u></b>	<b><u>51%</u></b>
	Xuất khẩu	1000 Tấn		34,687	7,284	41,971	39,288		
		1000 Teus		3,477	744	4,221	4,137		
	Nhập khẩu	1000 Tấn		35,761	7,510	43,271	43,671		
		1000 Teus		3,630	762	4,392	4,189		
	Nội địa	1000 Tấn		30,750	6,581	37,331	42,374		
		1000 Teus		3,454	739	4,193	4,411		
<b>2</b>	<b><u>Hàng lỏng</u></b>	<b><u>1000 tấn</u></b>	<b><u>81,927</u></b>	<b><u>31,903</u></b>	<b><u>6,700</u></b>	<b><u>38,603</u></b>	<b><u>39,401</u></b>	<b><u>98%</u></b>	<b><u>47%</u></b>
	Xuất khẩu	1000 tấn		1,669	350	2,019	2,368		
	Nhập khẩu	1000 tấn		10,890	2,287	13,177	12,580		
	Nội địa	1000 tấn		19,344	4,062	23,406	24,453		
<b>3</b>	<b><u>Hàng khô</u></b>	<b><u>1000 tấn</u></b>	<b><u>391,187</u></b>	<b><u>172,865</u></b>	<b><u>36,302</u></b>	<b><u>209,167</u></b>	<b><u>198,635</u></b>	<b><u>105%</u></b>	<b><u>53%</u></b>
	Xuất khẩu	1000 tấn		41,009	8,612	49,621	49,766		
	Nhập khẩu	1000 tấn		40,483	8,501	48,984	58,026		
	Nội địa	1000 tấn		91,373	19,188	110,561	90,843		
<b>4</b>	<b><u>Hàng quá cảnh</u></b>	<b><u>1000 tấn</u></b>	<b><u>79,435</u></b>	<b><u>33,679</u></b>	<b><u>7,073</u></b>	<b><u>40,752</u></b>	<b><u>36,191</u></b>	<b><u>113%</u></b>	<b><u>51%</u></b>

*Ghi chú: Hàng hóa thông qua cảng không bao gồm cả hàng hóa quá cảnh không được bốc dỡ tại cảng*

**PHỤ LỤC II**  
**BÁO CÁO SẢN LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN THÁNG 5 NĂM 2022**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	
1	2	3	4	5=3/4	6	7	8=6/7	
<b>I. Sản lượng hàng hóa và số lượng tàu thuyền thông qua cảng</b>								
<b>1.1.Sản lượng hàng hóa và số lượt tàu thuyền thông qua</b>								
<b>1.1.1.Tổng số lượt tàu biển</b>	<b>lượt</b>	9,094	11,208	81%	43,397	51,142	85%	
1.1.1.1.Tàu ngoại	lượt	4,011	5,267	76%	20,233	24,758	82%	
1.1.1.2.Tàu nội	lượt	5,083	5,941	86%	23,164	26,384	88%	
Trong đó	+ Tàu xuất nhập cảnh	lượt	683	675	101%	3,270	3,070	107%
	+ Tàu chạy tuyến nội địa	lượt	4,400	5,266	84%	19,894	23,314	85%
<b>1.1.2.Hàng hóa thông qua cảng</b>	<b>tấn</b>	<b>65,707,868</b>	<b>63,939,009</b>	<b>103%</b>	<b>306,526,153</b>	<b>302,423,159</b>	<b>101%</b>	
Trong đó	+ Xuất khẩu	tấn	15,412,829	16,183,902	95%	77,364,182	77,154,145	100%
	+ Nhập khẩu	tấn	19,645,973	18,973,969	104%	87,134,767	94,781,368	92%
	+ Nội địa	tấn	30,465,338	28,619,282	106%	141,466,343	129,611,100	109%

	+ Hàng quá cảnh bốc dỡ	tấn	183,728	161,856	100%	560,861	876,546	64%
	+ container	tấn	21,318,057	21,820,246	98%	101,198,139	103,786,624	98%
	+ container	teus	2,152,787	2,208,502	97%	10,560,468	10,337,914	102%
	+ Hàng lỏng	tấn	6,496,139	7,222,384	90%	31,902,350	32,645,878	98%
	+ Hàng khô	tấn	37,089,684	33,895,299	109%	172,864,803	165,114,111	105%
<b>1.2. Sản lượng hàng hóa và số lượng phương tiện thủy nội địa (PTTND) thông qua</b>								
<b>1.2.1. Tổng số PTTND</b>		<b>Lượt</b>	28,033	30,647	91%	136,530	144,229	95%
Trong đó tổng số PTTND đăng ký SB		Lượt	4,261	4,223	101%	18,167	16,997	107%
<b>1.2.2. Tổng số tấn PTTND</b>		<b>tấn</b>	20,227,562	20,422,260	99%	94,585,148	93,301,723	101%
Trong đó tổng số PTTND SB vận tải ven biển		tấn	6,933,809	6,636,509	104%	29,636,364	25,972,520	114%
<b>1.3. Tổng sản lượng hàng hóa thông qua khu vực cảng biển</b>								
Tổng hàng hóa thông qua cảng		<b>tấn</b>	65,707,868	63,939,009	103%	306,526,153	302,423,159	101%
<b>Trong đó</b>	Hàng hóa thông qua cảng bằng tàu biển	tấn	45,480,306	43,516,749	105%	211,941,005	209,121,436	101%
	Hàng hóa thông qua cảng bằng phương tiện thủy nội địa	tấn	20,227,562	20,422,260	99%	94,585,148	93,301,723	101%
<b>II. Sản lượng hàng hóa thông qua cảng do Vinalines quản lý</b>								
Công ty TNHH Container quốc tế Cái Lân		Triệu tấn	0.995	0.405	246%	1.4	1.755	80%

Cảng Hải Phòng (CP 94,68% vốn NN)	Triệu tấn	1.980	2.143	92%	9.509	10.155	94%
Cảng Transvina (LD Vinalines chiếm 58%)	Triệu tấn	0.018	0.029	62%	0.068	0.151	45%
Cảng Cửa Lò	Triệu tấn	0.42	0.37	114%	1.93	1.9	102%
Cảng Bến Thủy	Triệu tấn	0.04	0.06	67%	0.15	0.21	71%
Cảng Tiên Sa	Triệu tấn	0.743	0.832	89%	3.56	3.70	96.29%
Cảng Ba Ngòi	Triệu tấn	0.16	0.153	105%	0.739	0.875	84%
Cảng Sài Gòn	Triệu tấn	0.99	1.11	89%	4.72	5.23	90%
Cảng CMIT	Triệu tấn	0.63	0.68	93%	2.95	3.85	77%
Cảng SP-PSA	Triệu tấn	0.80	0.68	118%	2.10	3.04	69%
Cảng SSIT	Triệu tấn	0.85	1.14	75%	3.38	5.02	67%
Cảng Cái Cui	Triệu tấn	0.064	0.12	56%	0.345	0.49	70%
Cảng Hoàng Diệu	Triệu tấn	0.063	0.06	113%	0.348	0.29	120%
Cảng Vinalines Hậu Giang	Triệu tấn	0.076	0.07	115%	0.269	0.36	75%
Cảng Năm Căn	Triệu tấn	0	0	100%	0	0	100%
<b>III. Hàng hóa quá cảnh</b>							
Tổng số lượng hàng hóa quá cảnh	Tấn	7,058,542	6,623,406	107%	33,679,317	31,165,051	108%
<b>IV. Hành khách</b>	Lượt	673,498	331,409	203%	2,082,220	2,077,560	100%

